



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Nguyên Ngọc	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Nguyên Ngọc Ông Nguyễn Quang Minh Ông Diệp Quốc Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2018) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	---

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00459-19-2




Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2019

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		896.775.365.223	821.069.834.166
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	72.140.744.218	70.632.829.414
Tiền	111		60.140.744.218	40.005.235.665
Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	30.627.593.749
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	35.049.150.685	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.049.150.685	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		352.213.032.173	361.135.323.061
Phải thu của khách hàng	131	7	314.541.811.673	348.000.847.947
Trả trước cho người bán	132		24.792.248.809	6.724.519.880
Phải thu khác	136	8	13.152.639.448	6.683.622.991
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(273.667.757)	(273.667.757)
Hàng tồn kho	140	9	432.725.705.801	383.980.623.240
Hàng tồn kho	141		438.869.231.729	386.007.039.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.143.525.928)	(2.026.416.200)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.646.732.346	5.321.058.451
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.353.053.142	952.711.071
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.099.517.070	3.874.716.852
Thuế phải thu Nhà nước	153		194.162.134	493.630.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		708.322.846.532	736.228.959.446
Các khoản phải thu dài hạn	210		265.000.000	335.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		265.000.000	335.000.000
Tài sản cố định	220		615.049.884.331	644.415.591.072
Tài sản cố định hữu hình	221	10	614.958.217.668	644.273.924.411
Nguyên giá	222		1.563.746.820.146	1.508.124.862.919
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(948.788.602.478)	(863.850.938.508)
Tài sản cố định vô hình	227	11	91.666.663	141.666.661
Nguyên giá	228		1.139.772.808	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.048.106.145)	(998.106.147)
Bất động sản đầu tư	230	12	36.444.749.232	39.485.586.130
Nguyên giá	231		70.468.849.375	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(34.024.100.143)	(30.983.263.245)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.574.732.158	8.780.515.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	17.574.732.158	8.780.515.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	17.164.183.350	18.323.795.991
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		9.414.183.350	10.573.795.991
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.750.000.000	7.750.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		21.824.297.461	24.888.471.253
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	20.975.512.529	24.888.471.253
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		848.784.932	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.605.098.211.755	1.557.298.793.612

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

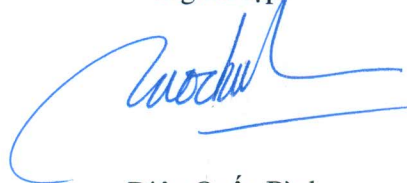
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		869.005.930.746	854.402.423.597
Nợ ngắn hạn	310		775.639.196.417	748.206.466.198
Phải trả người bán	311	16	94.355.656.607	92.545.208.209
Người mua trả tiền trước	312		10.367.310.142	3.748.149.309
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.476.599.916	10.588.722.554
Phải trả người lao động	314		49.669.719.376	41.806.109.621
Chi phí phải trả	315		1.414.711.413	1.733.144.097
Phải trả khác	319	18	82.184.610.800	3.975.690.738
Vay ngắn hạn	320	19(a)	523.912.496.812	583.053.592.972
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	7.258.091.351	10.755.848.698
Nợ dài hạn	330		93.366.734.329	106.195.957.399
Phải trả dài hạn khác	337		1.651.301.000	1.651.301.000
Vay dài hạn	338	19(b)	91.715.433.329	104.544.656.399
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		736.092.281.009	702.896.370.015
Vốn chủ sở hữu	410	21	736.092.281.009	702.896.370.015
Vốn cổ phần	411	22	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	418	24	69.496.458.985	69.496.458.985
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		379.442.519.822	346.513.238.290
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		74.090.574.929	73.823.945.467
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.605.098.211.755	1.557.298.793.612

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	2.335.383.170.181	2.533.980.659.630
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	3.327.313.640	3.458.771.361
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	2.332.055.856.541	2.530.521.888.269
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	2.066.973.489.504	2.252.695.400.375
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		265.082.367.037	277.826.487.894
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.334.689.479	11.559.796.969
Chi phí tài chính	22	29	41.690.560.517	32.170.424.107
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>33.081.469.621</i>	<i>30.101.247.264</i>
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.340.387.359	176.881.005
Chi phí bán hàng	25	30	23.758.306.006	52.246.926.665
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	85.407.069.691	100.293.971.599
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		124.901.507.661	104.851.843.497
Thu nhập khác	31	32	4.292.733.115	8.126.287.788
Chi phí khác	32		1.397.984.049	70.082.674
Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.894.749.066	8.056.205.114

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		127.796.256.727	112.908.048.611
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	26.150.672.579	22.584.058.365
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(848.784.932)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		102.494.369.080	90.323.990.246
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế thuộc các cổ đồng của công ty mẹ	61		96.737.773.471	86.966.712.846
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	62		5.756.595.609	3.357.277.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.146	3.650

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		127.796.256.727	112.908.048.611
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		115.888.558.365	115.207.486.109
Các khoản dự phòng	03		4.117.109.728	45.546.718
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.023.062.199	(620.408.278)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(8.800.863.332)	(7.954.667.168)
Chi phí lãi vay	06		33.081.469.621	30.101.247.264
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		274.105.593.308	249.687.253.256
Biến động các khoản phải thu	09		13.274.687.169	14.888.843.748
Biến động hàng tồn kho	10		(52.862.192.289)	61.542.962.081
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		88.057.597.926	(72.180.152.465)
Biến động chi phí trả trước	12		2.512.616.653	(10.675.710.718)
			325.088.302.767	243.263.195.902
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.914.714.092)	(29.914.675.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.213.690.834)	(22.752.246.539)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.563.527.933)	(8.905.957.829)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		251.396.369.908	181.690.316.219

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(94.601.072.639)	(48.833.267.112)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.342.866.915	2.119.300.000
Tiền chi cho vay	23		(16.720.000.000)	(12.250.000.000)
Tiền chi cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(35.049.150.685)	-
Tiền thu hồi cho vay	24		16.720.000.000	12.250.000.000
Tiền thu lãi lãi tiền gửi và cổ tức	27		6.050.375.373	5.231.248.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(120.256.981.036)	(41.482.718.711)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.589.206.726.650	1.715.893.022.261
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.662.912.170.146)	(1.898.808.761.532)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông của công ty mẹ	36		(52.207.575.000)	(52.724.765.000)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(3.693.818.750)	(4.852.643.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(129.606.837.246)	(240.493.147.971)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.532.551.626	(100.285.550.463)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		70.632.829.414	170.919.468.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(24.636.822)	(1.088.601)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	72.140.744.218	70.632.829.414

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Tên	Địa chỉ	31/12/2018	1/1/2018
		% sở hữu và quyền biểu quyết	
Công ty con trực tiếp			
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	58,55%	58,55%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 2.182 nhân viên (1/1/2018: 2.798 nhân viên).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả sau đây.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
-----------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì đáng kể được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày kết thúc việc bảo trì.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.784.399.514.773	1.639.803.383.702	547.656.341.768	890.718.504.567	2.332.055.856.541	2.530.521.888.269
Chi tiêu vốn	94.068.532.883	49.699.274.612	-	-	94.068.532.883	49.699.274.612
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản của bộ phận	1.605.098.211.755	1.557.298.793.612	-	-	1.605.098.211.755	1.557.298.793.612

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	778.839.901	781.557.074
Tiền gửi ngân hàng	59.361.904.317	39.223.678.591
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	30.627.593.749
	72.140.744.218	70.632.829.414
	72.140.744.218	70.632.829.414

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,1% đến 8% (2017: Không)

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lâm Anh	21.281.324.768	17.725.502.432
Công ty TNHH Một Thành viên Dệt Kim Đông Phương	14.415.837.709	16.108.511.958
Supreme International LLC	13.347.934.265	28.395.768.750
Công ty TNHH Quế Hương	11.581.826.913	14.968.047.390
Các khách hàng khác	253.914.888.018	270.803.017.417
	314.541.811.673	348.000.847.947
	314.541.811.673	348.000.847.947

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
<i>Công ty liên doanh</i>		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh	1.627.634.279	7.066.053.134
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Dệt Kim Đông Phương	14.415.837.709	16.108.511.958
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	4.475.493.993	9.235.336.971
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	25.234.000	450.788.250

Khoản thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động dự phòng các khoản nợ khó đòi trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	273.667.757	471.567.430
Hoàn nhập	-	(197.899.673)
Số dư cuối năm	273.667.757	273.667.757

8. Phải thu khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải thu	2.630.922.000	1.708.922.000
Lợi nhuận được phân phối phải thu	8.010.347.150	3.074.152.442
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	12.463.521	14.287.564
Tạm ứng	164.000.000	279.221.679
Lãi tiền gửi phải thu	480.042.770	42.508.086
Phải thu khác	1.854.864.007	1.564.531.220
	13.152.639.448	6.683.622.991

Cổ tức và lợi nhuận được phân phối phải thu và phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.794.651.395	-	6.075.836.391	-
Nguyên vật liệu	134.961.221.846	837.017.536	72.835.396.263	-
Công cụ và dụng cụ	110.834.536	-	93.488.677	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.126.161.192	-	61.697.230.939	-
Thành phẩm	225.801.287.032	5.306.508.392	227.399.784.841	2.026.416.200
Hàng hóa	410.559.450	-	509.004.097	-
Hàng gửi đi bán	13.664.516.278	-	17.396.298.232	-
	438.869.231.729	6.143.525.928	386.007.039.440	2.026.416.200

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.026.416.200	1.782.969.809
Tăng trong năm	4.117.109.728	243.446.391
Số dư cuối năm	6.143.525.928	2.026.416.200

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	211.603.399.192	1.283.052.813.503	12.852.111.860	616.538.364	1.508.124.862.919
Tăng trong năm	-	1.139.579.666	125.454.545	-	1.265.034.211
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.423.935.000	81.191.403.857	1.393.942.657	-	84.009.281.514
Thanh lý	(1.328.691.172)	(28.323.667.326)	-	-	(29.652.358.498)
Số dư cuối năm	211.698.643.020	1.337.060.129.700	14.371.509.062	616.538.364	1.563.746.820.146
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	118.481.713.964	736.067.838.850	8.745.347.350	556.038.344	863.850.938.508
Khấu hao trong năm	10.756.581.956	100.995.319.211	994.070.284	51.750.018	112.797.721.469
Thanh lý	(703.585.681)	(27.156.471.818)	-	-	(27.860.057.499)
Số dư cuối năm	128.534.710.239	809.906.686.243	9.739.417.634	607.788.362	948.788.602.478
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	93.121.685.228	546.984.974.653	4.106.764.510	60.500.020	644.273.924.411
Số dư cuối năm	83.163.932.781	527.153.443.457	4.632.091.428	8.750.002	614.958.217.668

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 348.424 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 354.627 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 400.282 triệu VND (1/1/2018: 402.797 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 19).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	998.106.147
Khấu hao trong năm	49.999.998
Số dư cuối năm	1.048.106.145
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	141.666.661
Số dư cuối năm	91.666.663

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 889 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	30.983.263.245
Khấu hao trong năm	3.040.836.898
Số dư cuối năm	34.024.100.143
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	39.485.586.130
Số dư cuối năm	36.444.749.232

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Bao gồm trong bất động sản đầu tư có các tài sản có nguyên giá 23.663 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 23.663 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	8.780.515.000	2.661.750.000
Tăng trong năm	92.803.498.672	34.813.626.539
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(84.009.281.514)	(28.694.861.539)
Số dư cuối năm	17.574.732.158	8.780.515.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bộ ghép sợi	-	8.512.875.000
Dự án nâng cấp nhà máy	12.496.080.000	267.640.000
Khác	5.078.652.158	-
	17.574.732.158	8.780.515.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018						1/1/2018					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	9.414.183.350	-	(*)	-	50,00%	50,00%	10.573.795.991	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)
				<hr/>			<hr/>					
				9.414.183.350	-	(*)				10.573.795.991	-	(*)
				<hr/>			<hr/>			<hr/>		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018			1/1/2018								
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	-	18,29%		3.150.000.000	-	(*)	-	18,29%		3.150.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)
				<u>7.750.000.000</u>	-	(*)				<u>7.750.000.000</u>	-	(*)
				<u>17.164.183.350</u>	-	(*)				<u>18.323.795.991</u>	-	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hay Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết và công ty liên doanh như sau:

	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2018 VND	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018 VND	Lợi nhuận sau thuế 2018 VND
Công ty liên doanh Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	81.118.412.262	62.290.045.563	18.828.366.699	2.680.774.718
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	15.534.117.757	23.560.656.451	(8.026.538.694)	3.870.763.609

	Tổng tài sản tại ngày 1/1/2018 VND	Tổng nợ phải trả tại ngày 1/1/2018 VND	Vốn chủ sở hữu tại ngày 1/1/2018 VND	Lợi nhuận sau thuế 2017 VND
Công ty liên doanh Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	78.137.732.961	56.990.140.979	21.147.591.982	1.729.652.879
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	19.123.127.704	31.020.430.007	(11.897.302.303)	91.825.123.197

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	10.573.795.991	10.396.914.986
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	1.340.387.359	176.881.005
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.000.000.000)	-
Cổ tức đã nhận	(1.500.000.000)	-
Số dư cuối năm	9.414.183.350	10.573.795.991

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí bảo trì VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.159.746.879	14.065.712.373	1.663.012.001	24.888.471.253
Tăng trong năm	3.390.522.704	7.544.073.290	1.208.221.546	12.142.817.540
Thanh lý	(475.527.678)	-	-	(475.527.678)
Phân bổ trong năm	(5.915.049.067)	(7.994.082.328)	(1.671.117.191)	(15.580.248.586)
Số dư cuối năm	6.159.692.838	13.615.703.335	1.200.116.356	20.975.512.529

16. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	20.291.443.761	26.273.688.329
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	9.535.375.097	9.048.337.620
Các nhà cung cấp khác	64.528.837.749	57.223.182.260
	94.355.656.607	92.545.208.209

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	94.355.656.607	92.545.208.209

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	20.291.443.761	26.273.688.329
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	9.535.375.097	9.048.337.620

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên doanh và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.832.772.899	97.264.668.290	(101.099.505.910)	-	997.935.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.818.381.786	26.150.672.579	(25.213.690.834)	(416.723.665)	5.338.639.866
Thuế thu nhập cá nhân	53.811.728	2.479.215.493	(2.406.395.650)	-	126.631.571
Thuế tài nguyên	13.782.600	245.056.379	(245.445.779)	-	13.393.200
Tiền thuê đất	869.973.541	12.849.799.877	(13.719.773.418)	-	-
Các loại thuế khác	-	49.056.442	(49.056.442)	-	-
	10.588.722.554	139.038.469.060	(142.733.868.033)	(416.723.665)	6.476.599.916

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Hỗ trợ thương mại từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	46.703.337.278	-
Hỗ trợ thương mại từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	30.554.806.737	-
Kinh phí công đoàn	678.711.375	833.276.551
Cổ tức phải trả	1.013.373.125	682.079.375
Các khoản phải trả khác	3.234.382.285	2.460.334.812
	<hr/>	<hr/>
	82.184.610.800	3.975.690.738

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	552.718.056.555	1.538.386.364.992	(1.626.319.155.668)	464.785.265.879
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	30.335.536.417	57.981.791.633	(29.190.097.117)	59.127.230.933
	583.053.592.972	1.596.368.156.625	(1.655.509.252.785)	523.912.496.812

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)				
Khoản vay 1	VND	5,6% - 6,0%	147.281.633.488	278.912.931.354
Khoản vay 2	USD	2,9% - 3,6%	46.620.110.879	26.072.636.682
Khoản vay 3	USD	2,4% - 3,5%	42.098.734.904	23.810.928.191
Khoản vay 4	USD	2,4% - 3,5%	16.603.139.814	17.051.250.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)				
Khoản vay 5	VND	5,5% - 5,8%	127.759.234.346	-
Ngân hàng ANZ (iii)				
Khoản vay 6	USD	2,2%	-	19.972.419.224
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (iii)				
Khoản vay 7	USD	1,9%	-	11.271.905.918
Khoản vay 8	VND	4,7%	-	7.741.879.072
Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 9	USD	2,0%	-	54.213.778.464
Khoản vay 10	VND	5,0% - 5,3%	40.856.211.313	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)				
Khoản vay 11	USD	3,4%	-	29.202.540.944
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 12	USD	3,4%	25.533.401.985	26.494.686.950
Ngân hàng ChinaTrust Commercial Bank – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 13	USD	4,8%	-	45.422.932.559
Ngân hàng Standard Chartered (iii)				
Khoản vay 14	VND	2,7%	14.946.987.627	10.503.176.684
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (iii)				
Khoản vay 15	USD	3,4%	3.085.811.523	2.046.990.513
			464.785.265.879	552.718.056.555

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 221.223 triệu VND (1/1/2018: 179.690 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.219 triệu VND (1/1/2018: 4.482 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (iii) Các khoản vay ngân hàng này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn	150.842.664.262	134.880.192.816
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(59.127.230.933)	(30.335.536.417)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	91.715.433.329	104.544.656.399
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018	1/1/2018
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)					
Khoản vay 1	USD	4,1%	2022	16.633.762.624	49.575.213.480
Khoản vay 2	USD	5,14%	2025	26.794.659.701	-
Khoản vay 3	USD	4,0%	2021	5.886.992.084	9.799.773.972
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)					
Khoản vay 4	USD	4,0 %	2020	101.527.249.853	66.272.525.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)					
Khoản vay 5	VND	10,5%	2020	-	9.232.680.364
				<hr/>	<hr/>
				150.842.664.262	134.880.192.816
				<hr/>	<hr/>

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 43.845 triệu VND (1/1/2018: 49.382 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 129.995 triệu VND (1/1/2018: 150.984 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay này đã được tất toán trong năm nay.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	10.755.848.698	7.665.039.437
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	12.065.770.586	12.015.665.855
Sử dụng quỹ trong năm	(15.563.527.933)	(8.905.957.829)
Giảm khác	-	(18.898.765)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.258.091.351	10.755.848.698

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	67.727.440.187	272.785.481.312	71.242.471.852	624.818.120.624
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	86.966.712.846	3.357.277.400	90.323.990.246
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.769.018.798	(1.769.018.798)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.469.937.070)	(545.728.785)	(12.015.665.855)
Cổ tức	-	-	-	-	(230.075.000)	(230.075.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	210.000.000.000	3.062.727.273	69.496.458.985	346.513.238.290	73.823.945.467	702.896.370.015
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	96.737.773.471	5.756.595.609	102.494.369.080
Phân bổ vào các quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(10.308.491.939)	(1.757.278.647)	(12.065.770.586)
Phân bổ vào các quỹ khen thưởng và phúc lợi của công ty liên doanh và liên kết	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(52.500.000.000)	(3.732.687.500)	(56.232.687.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	210.000.000.000	3.062.727.273	69.496.458.985	379.442.519.822	74.090.574.929	736.092.281.009

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Các cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017. Khoản cổ tức này đã được thông qua theo nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.541.593.904	2.799.262.800
Trong vòng hai đến năm năm	988.917.808	2.417.390.640
Sau năm năm	7.514.325.196	10.050.824.400
	<hr/>	<hr/>
	11.044.836.908	15.267.477.840
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	451.062	10.488.800.121	100.455	2.275.144.719
		<hr/>		<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	46.339.000.000	77.744.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	32.121.642.337	95.472.261.200
	78.460.642.337	173.216.261.200

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.759.272.776.773	1.832.773.770.562
▪ Bán hàng hóa	472.105.111.541	578.506.721.277
▪ Cung cấp dịch vụ	54.346.006.285	78.405.609.366
▪ Bán phế liệu	24.353.336.582	26.434.574.973
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	25.305.939.000	17.859.983.452
	2.335.383.170.181	2.533.980.659.630
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.045.400.659)	(1.511.284.242)
▪ Chiết khấu thương mại	(1.281.912.981)	(1.120.505.175)
▪ Giảm giá hàng bán	-	(826.981.944)
	(3.327.313.640)	(3.458.771.361)
Doanh thu thuần	2.332.055.856.541	2.530.521.888.269

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2018	2017
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.522.263.958.508	1.579.078.372.822
▪ Hàng hoá đã bán	458.459.048.861	573.642.214.067
▪ Dịch vụ đã cung ứng	49.583.570.699	69.230.313.968
▪ Phế liệu đã bán	22.916.931.807	25.176.497.002
▪ Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê	9.632.869.901	5.324.556.125
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.117.109.728	243.446.391
	2.066.973.489.504	2.252.695.400.375

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.231.910.057	4.980.486.163
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	1.915.081.438	1.504.382.731
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.509.697.984	4.396.928.075
Thu nhập từ cổ tức	678.000.000	678.000.000
	9.334.689.479	11.559.796.969

29. Chi phí tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	33.081.469.621	30.101.247.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.609.090.896	2.069.176.843
	41.690.560.517	32.170.424.107

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.415.730.953	2.430.907.778
Chi phí nhân viên	4.903.876.098	5.869.350.175
Hoa hồng	4.704.116.330	14.247.021.493
Chi phí vận chuyển	2.380.667.152	21.469.061.270
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.321.972.869	1.253.346.417
Chi phí công cụ và dụng cụ	326.474.737	927.007.576
Chi phí bán hàng khác	5.705.467.867	6.050.231.956
	<hr/> 23.758.306.006	<hr/> 52.246.926.665 <hr/>

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	46.365.224.318	48.464.057.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.679.553.887	16.274.180.707
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.512.629.165	13.975.497.164
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.468.585.773	1.548.703.058
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.644.663.394	1.999.951.603
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(197.899.673)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.736.413.154	18.229.481.002
	<hr/> 85.407.069.691	<hr/> 100.293.971.599 <hr/>

32. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.550.565.916	2.119.300.000
Thu nhập khác	2.742.167.199	6.006.987.788
	<hr/> 4.292.733.115	<hr/> 8.126.287.788 <hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.540.429.169.752	1.639.754.250.894
Chi phí nhân công	280.197.321.253	314.253.437.120
Chi phí khấu hao và phân bổ	115.888.558.365	115.207.486.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	264.690.535.365	245.593.081.095
	1.540.429.169.752	1.639.754.250.894

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành	26.150.672.579	22.584.058.365
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(848.784.932)	-
	25.301.887.647	22.584.058.365

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	127.796.256.727	112.908.048.611
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.559.251.345	22.581.609.722
Ưu đãi thuế	(464.603.754)	(239.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	525.530.056	412.424.844
Thu nhập không bị tính thuế	(318.290.000)	(170.976.201)
	25.301.887.647	22.584.058.365

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	96.737.773.471	86.966.712.846
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (ngân sách)	(9.673.777.347)	(10.308.491.939)
	87.063.996.124	76.658.220.907

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017
Số cổ phiếu đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	21.000.000	21.000.000

36. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2018	2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	2.354.138.098	1.711.448.713

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty liên doanh		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Thu nhập cho thuê	1.213.983.692	1.005.120.000
Bán thành phẩm	3.274.473.755	4.300.229.668
Thu nhập khác	2.567.265.765	3.074.902.433
Thu nhập lãi cho vay	263.654.384	334.196.767
Phí dịch vụ khác	260.821.440	316.459.540
Hàng hóa giữ hộ	1.447.679.172	441.320.013
Cho vay	13.720.000.000	12.250.000.000
Phân phối cổ tức	347.250.000	520.875.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm và hàng hóa	266.633.702.721	219.657.376.467
Bán hơi	4.882.597.176	6.358.115.598
Thu nhập cho thuê	5.914.827.272	5.574.054.544
Thu nhập khác	3.217.372.073	4.158.926.917
Mua hàng hóa	751.719.485.582	689.015.136.991
Thu nhập cổ tức	-	63.168.416
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm	118.848.279.465	70.427.118.782
Mua hàng hóa	22.798.134.946	25.191.774.843
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	37.465.424.109	17.697.711.520
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	2.057.953.450	3.382.619.470
Doanh thu gia công	-	20.300.350
Thu nhập cổ tức	358.096.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang - CTCP		
Bán thành phẩm	656.535.905	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Bán thành phẩm	-	150.345.418
Mua dịch vụ gia công	24.833.884.860	-
Phân phối cổ tức	378.000.000	378.000.000
Bán tài sản cố định và công cụ	1.413.232.318	-
Vay	24.470.000.000	-
Phải thu khác	11.163.433	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	-
Phí chuyên môn	-	409.000.000
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán thành phẩm	1.075.730.620	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý		
Lương và thưởng	7.735.929.547	6.842.560.586

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 8 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc